

Bản án số: 665/2017/HS-PT

Ngày 18 - 12 - 2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Sáng

Các thẩm phán:

Bà Trần Thị Huyền Vân

Bà Trần Thị Hòa Hiệp

-Thư ký phiên tòa: Ông Thái Lê Quỳnh – Thư ký Tòa án

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Võ Phong Lưu – Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 12 năm 2017 tại trụ sở, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 673/2016/TLPT-HS ngày 31 tháng 10 năm 2016 đối với các bị cáo Lê Minh T và Võ Hoàng M.

Do có kháng cáo của hai bị cáo và kháng cáo của đại diện hợp pháp của người bị hại đối với bản án hình sự sơ thẩm số 57/2016/HSST ngày 16/9/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

-Bị cáo có kháng cáo và bị kháng cáo:

1. Lê Minh T (tên gọi khác: H), sinh ngày 28/7/1990, tại tỉnh Bình Dương; thường trú: phường T, thành phố M, tỉnh Bình Dương; trình độ học vấn: 6/12; nghề nghiệp: Làm thuê; con ông Lê Văn V, sinh năm 1959 và bà Trần Thị Ngọc N, sinh năm 1973; tiền sự: Không; tiền án: Bản án số 95/2008/HSST ngày 13/6/2008 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, xử phạt 06 năm tù về tội “Cố ý gây thương tích” theo Khoản 3, Điều 104 và 01 năm 03 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Khoản 1, Điều 138 Bộ luật Hình sự. Tổng hợp hình phạt là 07 năm 03 tháng tù; nhân thân: Ngày 24/8/2005 bị đưa vào Trường Giáo dưỡng số 4, thời hạn 24 tháng theo Quyết định số 118/QĐ của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương (nay là thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương); bị bắt tạm giam từ ngày 06/01/2015 cho đến nay.

- *Người bào chữa chỉ định cho các bị cáo Lê Minh T:* Luật sư Trần Quang K thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt);

2. Võ Hoàng M (tên gọi khác: Mâu), sinh ngày 10/7/1995, tại tỉnh Bình Dương; thường trú: phường H, thành phố M, tỉnh Bình Dương; trình độ học vấn: 6/12; nghề nghiệp: Làm thuê; con ông Võ Văn S (đã chết) và bà Lê Thị R, sinh năm 1956; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giam từ ngày 06/01/2015 cho đến nay; có mặt.

- *Người bào chữa chỉ định cho các bị cáo Võ Hoàng M:* Luật sư Nguyễn Văn T thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt);

- *Người bị hại:* Nguyễn Thị N1, sinh năm 1990 (tên gọi khác: Lý Thị N2, sinh năm 1988) (đã chết).

- *Đại diện hợp pháp người bị hại:* Ông Nguyễn Văn V1, sinh năm 1972 và bà Lý Thanh N2, sinh năm 1975 (là cha, mẹ ruột của người bị hại); Bà Lý Thanh N2; có mặt. (Ông V1 ủy quyền cho bà N2 theo Giấy ủy quyền ngày 05/02/2015).

Thường trú: Ấp A, xã V, huyện Hiền, tỉnh Cà Mau.

Người làm chứng:

Nguyễn Thị Ngọc M (vắng mặt)

Địa chỉ: đường L, khu phố 8, phường Hiệp, thành phố M, tỉnh Bình Dương.

Nguyễn Hoàng T1 (vắng mặt)

Địa chỉ: phường A, thành phố M, tỉnh Bình Dương.

Trong bản án còn có những người tham gia tố tụng khác không liên quan đến kháng cáo nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương và Bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương thì vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thị N1 (còn gọi tên khác là Lý Thị N2) là tiếp viên của quán cà phê Thanh Tuyền tại phường H, thành phố M, tỉnh Bình Dương có mối quan hệ tình cảm nam nữ với Lê Minh T. Võ Hoàng M và Lê Minh T có mối quan hệ là bạn với nhau.

Khoảng 10 giờ ngày 28/12/2014, tại nhà của Võ Hoàng M ở phường H, thành phố M, tỉnh Bình Dương gồm có Võ Hoàng M cùng với Lê Minh T, Phạm Tấn T2, Trần Khánh M1 là bạn của nhau tổ chức ăn uống đến khoảng 11 giờ cùng ngày thì T2 và M1 về, chỉ còn Triệu và Mai. Do Lê Minh T biết là N1 có đeo vàng trên người và cần tiền tiêu xài nên T nói với M là rủ N1 đến chỗ vắng rồi dùng dao khống chế để lấy tài sản thì M đồng ý.

Sau khi bàn bạc xong, T điều khiển xe mô tô kiểu dáng Wave, màu đỏ mang biển số 60K9 – 2948 chở M về nhà của T để T vào nhà lấy 01 con dao Thái Lan dài 33 cm, lưỡi dao bằng kim loại màu trắng dài 22 cm, mũi dao nhọn, cán dao màu đen dài 13 cm đem ra đưa M cất giấu trong người. Sau đó T chở M đi tìm địa điểm vắng vẻ, đi đến khu nghĩa địa thuộc phường H, thành phố M, tỉnh Bình Dương thấy vắng nên chọn nơi này làm địa điểm để thực hiện tội phạm. M ở nghĩa địa này chờ, T điều khiển xe mô tô đi đến quán cà phê Thanh Tuyền tìm N1 nhưng không gặp N1 nên T quay trở lại nghĩa địa chở M đi về.

Khoảng 13 giờ 30 phút cùng ngày, T tiếp tục điều khiển xe mô tô trên đến quán cà phê Thanh Tuyền gặp N1 và chở N1 đến nhà nghỉ Thanh Trà tại phường H, thành phố M, tỉnh Bình Dương để quan hệ tình dục. Sau đó, T rủ N1 đi sử dụng ma túy. T chở N1 đến nhà của M, T một mình đi vào kêu M cùng đi, T kêu M đem theo dao thì M lấy dao cất giấu vào áo rồi đi ra nơi N1 đứng đợi. N1 điều khiển xe mô tô trên chở T ngồi giữa và M ngồi sau chạy đến khu nghĩa địa tại phường H, thành phố M, tỉnh Bình Dương theo sự hướng dẫn của T, M. Khi vào nghĩa địa đến cách ngôi mộ quét vôi trắng mang tên “Nguyễn Văn C, mất năm 1959” khoảng 02 m, N1 dừng xe. M xuống xe và dùng tay phải rút dao nêu trên ra kề sát cổ phía trước của N1 để khống chế, N1 xuống xe mô tô và M dùng tay trái đẩy N1 đi ra phía sau ngôi mộ này, T xuống xe đi vào khu nghĩa địa. M kêu N1 đưa hết tài sản mang theo. N1 lấy tài sản của mình mang theo gồm: 01 điện thoại di động Q-Mobile C200 Orange, 02 sim, 02 sóng màu cam; 01 đôi bông tai hình chữ X, loại vàng 18K trọng lượng 02 phân; 01 nhẫn vàng 18K trọng lượng 2 phân 8 ly và 630.000 đồng rồi đặt lên ngôi mộ trắng theo yêu cầu của M. M lấy số tài sản trên bỏ vào túi quần của mình và đi ra chỗ xe mô tô. T xông vào kẹp cổ quật N1 ngã người nằm trên đất. N1 vùng vẫy kêu la. T kêu M dùng dao đâm N1. Mai cầm dao đến đâm một nhát vào bụng của N1. N1 tiếp tục kêu la. T kêu M đâm N1, M tiếp tục đâm nhiều nhát vào vùng ngực, bụng, lưng của N1. M đi ra vị trí xe mô tô cất dao rồi quay lại. T dùng 02 tay nắm 02 tay của N1, còn M dùng 02 tay nắm 02 chân của N1 khiêng ném N1 xuống một huyệt mộ đã bốc cốt ở gần đó. T ném đôi dép của N vào bụi cỏ khu vực phía trước ngôi mộ trắng. Do nghe thấy N1 vẫn kêu la nên T lấy dao quay lại chỗ N1 và dùng tay bịt miệng của N1, sau đó thấy N1 nằm im đã chết nên T ra điều khiển xe mô tô chở M bỏ đi. Khi đi được một đoạn thì T hỏi M đã kiểm tra lấy hết tài sản của N1 chưa? M trả lời chưa nên T chở M quay lại chỗ N1 và kiểm tra trên người N1 nhưng không thấy tài sản nào khác có giá trị nên T chở M về nhà của M.

M mang con dao gây án ra sau nhà đâm nhiều nhát vào thân cây chuối làm dao bị gãy cán rồi M ném xuống giếng sau nhà, còn T tháo điện thoại chiếm đoạt được ra và lấy sim điện thoại của N bỏ gãy đôi sim điện thoại rồi ném ra sân trước nhà của M, T cất giữ và sử dụng điện thoại này.

Khoảng 19 giờ cùng ngày, T mang nhẫn, đôi bông tai chiếm đoạt được đến khu vực phường H, thành phố M để tìm nơi bán. T gặp bạn là Nguyễn Hoàng T1 (Lucky), T nhờ T1 bán giúp, T nói dối với T1 là số vàng này là của gia đình nhờ bán, do trên tay T có hình xăm nên không tự bán được, T1 đồng ý và mang số vàng trên đến tiệm vàng Kim Hoàng, địa chỉ tại đường T, phường H, thành phố M, tỉnh Bình Dương gặp Nguyễn Thị Ngọc M là chủ tiệm và bán được với số tiền là 1.130.000 đồng và giao tiền lại cho T. T dùng số tiền này cùng 630.000 đồng đã chiếm đoạt được cùng với M tiêu xài.

Khoảng 13 giờ 30 ngày 03/01/2015, lực lượng Cảnh sát Phòng cháy chữa cháy Công an thành phố M, tỉnh Bình Dương đang làm nhiệm vụ chữa cháy tại khu nghĩa địa trên thì phát hiện xác của Nguyễn Thị N1 đang trong thời kỳ phân hủy nên báo tin đến Công an phường H, thành phố M, tỉnh Bình Dương để xử lý theo quy định pháp luật.

Tại bản Cáo trạng số 36/QĐ-KSĐT-P2 ngày 18/7/2016, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương quyết định: Truy tố bị cáo Lê Minh T về tội “Giết người” theo điểm e, p khoản 1 Điều 93 và tội “Cướp tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 133 Bộ luật Hình sự; bị cáo Võ Hoàng M về tội “Giết người” theo điểm e khoản 1 Điều 93 và tội “Cướp tài sản” theo khoản 1 Điều 133 Bộ luật Hình sự.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 57/2016/HSST ngày 16/9/2016, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương đã quyết định:

Tuyên bố các bị cáo Lê Minh T, Võ Hoàng M phạm tội “Giết người” và tội “Cướp tài sản”;

- Áp dụng Điểm e, p, Khoản 1, Điều 93; Điểm c, Khoản 2, Điều 133; Điểm p, Khoản 1, Khoản 2, Điều 46; Điểm e, Khoản 1, Điều 48; Điều 50; Điều 53 Bộ luật Hình sự,

Xử phạt: Bị cáo Lê Minh T tử hình về tội “Giết người”; 07 năm tù về tội “Cướp tài sản”. Tổng hợp hình phạt cho cả hai tội, bị cáo phải chấp hành mức hình phạt là tử hình. Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

- Áp dụng Điểm e, Khoản 1, Điều 93; Khoản 1, Điều 133; Điểm b, p, Khoản 1, Điều 46; Điểm e, Khoản 1, Điều 48; Điều 50; Điều 53 Bộ luật Hình sự,

Xử phạt: Bị cáo Võ Hoàng M chung thân về tội “Giết người”; 04 năm tù về tội “Cướp tài sản”. Tổng hợp hình phạt cho cả hai tội, bị cáo phải chấp hành mức hình phạt là chung thân. Thời hạn tù tính từ ngày 06/01/2015.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về phân trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 20 và 24/9/2016, bị cáo Lê Minh T và bị cáo Võ Hoàng M kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 26/9/2016, đại diện hợp pháp của người bị hại bà Lý Thanh N3 kháng cáo yêu cầu Tòa án tăng nặng hình phạt đối với bị cáo Võ Hoàng M.

Tại phiên tòa:

Các bị cáo Lê Minh T, Võ Hoàng M đều giữ yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Bị cáo T khai nhận hành vi phạm tội nhưng nêu rằng M là người lôi kéo, xúi giục còn M khai là do T rủ rê, lôi kéo.

Đại diện hợp pháp người bị hại kháng cáo yêu cầu tăng hình phạt Võ Hoàng M lên Tử hình.

Đại diện Viện Kiểm sát đề nghị:

Hai bị cáo T và M cùng nhau bàn bạc thực hiện hành vi cướp tài sản, giết người bị hại; tại phiên tòa hai bị cáo khai nhận hành vi phạm tội, hai bị cáo khai đổ cho nhau về hành vi xúi giục, lôi kéo nhau. Với tài liệu có tại hồ sơ vụ án, các bị cáo phạm tội một cách tích cực, phạm tội đến cùng, Tòa án cấp sơ thẩm xác định bị cáo Lê Minh T là người gợi ý, xúi giục, nhân thân có tiền án xử mức án Tử hình, bị cáo Mai là người thực hành tích cực, khai báo thành khẩn, nhân thân chưa có tiền án, tiền sự xử phạt tù chung thân là có căn cứ. Về tội cướp tài sản, lẽ ra, Tòa án cấp sơ thẩm phải áp dụng thêm điểm d, khoản 2 Điều 133 (tình tiết dùng phương tiện nguy hiểm) nhưng đại diện hợp pháp của người bị hại không kháng cáo về tội cướp nên không có căn cứ xem xét theo hướng áp dụng tình tiết tăng nặng đối với các bị cáo. Vì vậy, đề nghị không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của các bị cáo T, M và kháng cáo của đại diện hợp pháp người bị hại, Y án sơ thẩm.

Người bào chữa cho bị cáo Lê Minh T:

Bị cáo khai báo thành khẩn, đề nghị xem xét thêm tình tiết bị cáo tự thú trước khi khởi tố vụ án quy định tại điểm o khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự, không phải là tình tiết đầu thú như Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng, đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo T.

Người bào chữa cho bị cáo Võ Hoàng M:

Bị cáo khai báo thành khẩn, đã bồi thường một phần cho gia đình người bị hại, đề nghị giảm một phần hình phạt cho bị cáo.

Căn cứ các tài liệu có tại hồ sơ vụ án, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện ý kiến tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Đại diện Viện Kiểm sát, người bào chữa, ý kiến của bị cáo, đại diện hợp pháp người bị hại;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Lê Minh T, Võ Hoàng M về tội “Giết người” theo điểm e, p khoản 1 Điều 93 và tội “Cướp tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 133 Bộ luật Hình sự (năm 1999); xử phạt Lê Minh T, Tử hình về

tội “Giết người”, 07 năm tù về tội “Cướp tài sản”, buộc bị cáo Triệu chấp hành hình phạt chung là Tử hình; xử phạt Võ Hoàng M tù Chung thân về tội “giết người”, 04 năm tù về tội “Cướp tài sản”, buộc bị cáo Mai chấp hành hình phạt chung là tù Chung thân. Hai bị cáo T và M có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt; đại diện hợp pháp người bị hại kháng cáo yêu cầu tăng hình phạt đối với bị cáo Võ Hoàng M. Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo Võ Hoàng M khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội theo nội dung bản án sơ thẩm nêu trên, bị cáo Lê Minh T không trả lời các câu hỏi của Hội đồng xét xử. Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 24/5/2017, trong phần thủ tục, hai bị cáo Lê Minh T và Võ Hoàng M đều im lặng, Tòa án cấp phúc thẩm hoãn phiên tòa để thẩm tra lý do hai bị cáo im lặng tại phiên tòa. Theo tài liệu Tòa án cấp phúc thẩm thu thập các tài liệu liên quan đến hai bị cáo Lê Minh T và Võ Hoàng M trong thời gian ở tại Trại Tạm giam, các bị cáo giao tiếp với những người cùng tạm giam và các cán bộ làm nhiệm vụ tại trại này rất bình thường; bị cáo T có đơn trình bày gửi Tòa án cấp phúc thẩm (có tài liệu thu thập kèm theo). Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, bị cáo T khai nhận hành vi phạm tội nhưng cho rằng bị cáo chỉ rủ M ngày 26/12/2014 còn ngày 28/12/2014 thì M là người gọi lại và rủ bị cáo cùng thực hiện hành vi phạm tội.

[2] Bị cáo Lê Minh T không trả lời các câu hỏi tại phiên tòa, Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào kết luận giám định pháp y tâm thần, kết luận Lê Minh T không bị bệnh tâm thần mà giả bệnh có chủ ý; lời khai nhận tội của Võ Hoàng M và các tài liệu khác có tại hồ sơ vụ án kết tội hai bị cáo Lê Minh T và Võ Hoàng M phạm tội “Giết người” và “Cướp tài sản”. Xét, căn cứ tài liệu trong quá trình điều tra có tại hồ sơ vụ án thể hiện: Biên bản đầu thú (ngày 06/01/2015), bản tự khai của Lê Minh T (ngày 06/01/2015 - BL 128), các biên bản lấy lời khai sau khi T đầu thú (06/01/2015 – BL 95 - 98), các biên bản hỏi cung bị can sau khi khởi tố bị can, có luật sư và kiểm sát viên tham gia (ngày 12 và 14/01/2015- BL 124 – 125, 214 -217); có luật sư tham gia (ngày 25/4/2015 BL 276 – 279), bị cáo T đều khai nhận hành vi phạm tội; chỉ có các bản cung sau tháng 4/2015 và tại phiên tòa sơ thẩm, Lê Minh T im lặng. Căn cứ các tài liệu điều tra như: biên bản thu giữ chiếc điện thoại của nạn nhân từ Lê Minh T, và các tài liệu điều tra khác và lời khai của Võ Hoàng M, xác định lời khai của Nguyễn Hoàng T1 về việc T nhờ T1 bán tài sản tại tiệm vàng Kim Hoàng (Nguyễn Thị Ngọc M) mà T và M chiếm đoạt của nạn nhân; lời khai của chủ tiệm vàng (BL 133, 514), bà M có đơn xin vắng mặt và khẳng định các lời khai tại cơ quan điều tra không có gì thay đổi; lời khai của bà Trần Thị Ngọc N (mẹ của Lê Minh T) là Triệu đã điện thoại nói với bà N về hành vi phạm tội của mình trước khi đến cơ quan công an đầu thú, cơ quan Công an có thẩm quyền đã phát hiện vụ án, đang thu thập tài liệu cho việc khởi tố vụ án; Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng tình tiết đầu thú là có căn cứ. Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội nhưng cho rằng Võ Hoàng M là người rủ bị cáo.

[3] Với tài liệu đã thu thập có tại hồ sơ vụ án nêu trên, lời khai nhận tội của Võ Hoàng M và Lê Minh T, Toàn án cấp phúc thẩm xét thấy có căn cứ xác định ngày 28/12/2014 Triệu và Mai dùng dao Thái Lan khống chế cướp tài sản của người bị hại Nguyễn Thị N1 (còn tên gọi khác là Lý Thị N2), tài sản bị cướp trị giá 2.271.090 đồng (nhẫn đeo tay, đôi bông tai và 630.000 đồng). Ngay sau khi người bị hại bị cướp tài sản, người bị hại kêu la, Lê Minh T dùng tay kẹp cổ nạn nhân và hai lần kêu M dùng dao đâm nhiều nhát vào vùng ngực, bụng, lưng của nạn nhân. Sau đó, hai bị cáo cùng ném người bị hại xuống huyệt mộ đã bốc cốt gần đó, khi nghe thấy người bị hại còn rên la, T quay lại chỗ nạn nhân dùng tay bịt miệng nạn nhân cho đến khi nạn nhân nằm im dần đến tử vong như Kết luận giám định pháp y mô tả nêu trên. Sau khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo Võ Hoàng M vứt con dao xuống giếng sau nhà của M. Tài sản cướp được T và M cùng nhau tiêu xài, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử hai bị cáo về tội “Giết người” và “Cướp tài sản” là có căn cứ.

[4] Vai trò của bị cáo Lê Minh T là người chủ động rủ rê bị cáo M cùng thực hiện tội phạm. Khi thực hiện là người chủ động, chỉ cho bị cáo M thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo T bị truy tố theo hai tình tiết quy định tại khoản 1 (điểm e, p) Điều 93 Bộ luật Hình sự (tình tiết giết người mà liền trước đó hoặc ngay sau đó phạm một tội rất nghiêm trọng hoặc tội đặc biệt nghiêm trọng và tình tiết tái phạm nguy hiểm (nhân thân có tiền án vừa chấp hành xong hình phạt tù tháng 11/2014 thì đến ngày 28/12/2014 lại phạm tội đặc biệt nghiêm trọng)). Khi T và M khiêng ném nạn nhân xuống huyệt mộ (đã bốc cốt) gần đó, T nghe thấy nạn nhân N1 vẫn còn kêu la, T lấy dao quay lại chỗ N và dùng tay bịt miệng N1, sau khi thấy N1 nằm im đã chết T mới lấy xe mô tô chở M đi, hành vi này thể hiện ý thức của bị cáo phạm tội đến cùng (điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự). Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo T khai báo thành khẩn (điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự) và Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng tình tiết đầu thú (khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự) xử phạt bị cáo Lê Minh T, Tử hình về tội “Giết người”, 07 năm tù về tội “Cướp tài sản”, buộc bị cáo phải chấp hành chung hình phạt Tử hình là có căn cứ, đúng pháp luật, xét tính chất, mức độ và nhân thân bị cáo, Tòa án cấp phúc thẩm xét bị cáo không có tình tiết giảm nhẹ đặc biệt nào khác, do đó, không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Triệu; y án sơ thẩm.

[5] Bị cáo Võ Hoàng M kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, đại diện hợp pháp người bị hại kháng cáo yêu cầu tăng hình phạt cao nhất đối với bị cáo M. Xét, bị cáo Võ Hoàng M là đồng phạm, vai trò của M là thực hiện hành vi phạm tội rất tích cực, bị cáo bị truy tố xét xử theo điểm e khoản 1 Điều 93 Bộ luật Hình sự (năm 1999), Tòa án cấp sơ thẩm xem xét nhân thân của bị cáo M chưa có tiền án, tiền sự, khai báo thành khẩn, có bồi thường một phần và vai trò đồng phạm tích cực của M, xử phạt Võ Hoàng M tù Chung thân về tội “Giết người”, 04 năm tù về tội “Cướp tài sản”, buộc bị cáo M chấp hành hình phạt chung là tù Chung thân là có căn cứ, đúng pháp luật. Bị cáo M kháng cáo xin giảm nhẹ hình

phạt nhưng không có tình tiết giảm nhẹ nào mới; đại diện hợp pháp người bị hại kháng cáo yêu cầu tăng hình phạt, Tòa án cấp phúc thẩm xét tính chất, vai trò đồng phạm tích cực và nhân thân của bị cáo M, thấy rằng mức án tù Chung thân về tội “Giết người” là phù hợp, đúng pháp luật; do đó, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo M, đại diện hợp pháp người bị hại; y án sơ thẩm.

[6] Các bị cáo Lê Minh T, Võ Hoàng M phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo luật định.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

Vì vác lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a, khoản 2 Điều 248 Bộ luật Tố tụng hình sự (năm 2003);

Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Lê Minh T, Võ Hoàng M và đại diện hợp pháp người bị hại; y án sơ thẩm;

Áp dụng điểm e, p khoản 1 Điều 93; điểm c khoản 2 Điều 133; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm e khoản 1 Điều 48; Điều 50; Điều 53 Bộ luật Hình sự (năm 1999 - sửa đổi, bổ sung năm 2009); khoản 4 Điều 228; khoản 1 Điều 258 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Lê Minh T (H), Tử hình về tội “Giết người”; 07 năm tù về tội “Cướp tài sản”;

Tổng hợp hình phạt: Buộc bị cáo Lê Minh T phải chấp hành hình phạt chung là Tử hình;

Tiếp tục tạm giam bị cáo Lê Minh T để đảm bảo thi hành án.

Trong thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày tuyên án phúc thẩm, bị cáo có quyền làm đơn xin Chủ tịch nước ân giảm án Tử hình.

Áp dụng điểm e, khoản 1 Điều 93; khoản 1 Điều 133; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm e khoản 1 Điều 48; Điều 50; Điều 53 Bộ luật Hình sự (năm 1999 - sửa đổi, bổ sung năm 2009);

Xử phạt: Bị cáo Võ Hoàng M, tù Chung thân về tội “Giết người”; 04 năm tù về tội “Cướp tài sản”;

Tổng hợp hình phạt: Buộc bị cáo Võ Hoàng M phải chấp hành hình phạt chung là tù Chung thân; Thời hạn tù tính từ ngày 06/01/2015. Tiếp tục tạm giam bị cáo Võ Hoàng M theo quyết định tạm giam của Hội đồng xét xử để đảm bảo thi hành án.

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH/14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về lệ phí, án phí Tòa án;

Bị cáo Lê Minh T, Võ Hoàng M mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Các Thẩm phán

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Huyền Vân Trần Thị Hòa Hiệp

Huỳnh Sáng

Nơi nhận:

- TANDTC;
- VKSNDCC tại TP. HCM;
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- Cục THADS tỉnh Bình Dương;
- Công an tỉnh Bình Dương;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Bình Dương (3 bản, T/đ bị cáo 02 b);
- Đại diện HPNBH (1b)
- Lưu, 14b.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Sáng